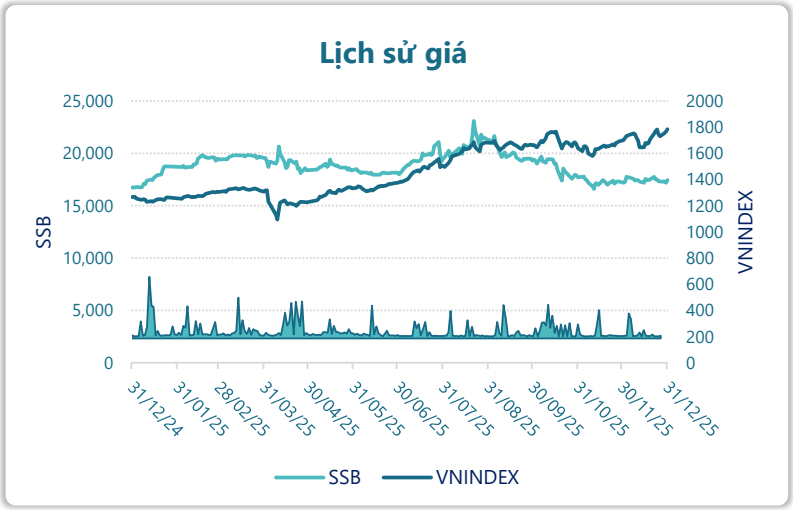
FireAnt

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (HSX: SSB)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
SL cổ phiếu LH	2,845,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,822,388
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	49,645
P/E	9.0
EPS	1,937

DT thuần

Q4/25

-4,268

tỷ VNĐ

QoQ: ▼337| -8.6%

YoY: ▼1,425| -50.1%

LN sau thuế

Q4/25

0

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.9%

+/- YoY: ▼ 6.5%

DT thuần

2025

-14,866

tỷ VNĐ

YoY: ▼4,116| -38.3%

LN sau thuế

2025

0

tỷ VNĐ

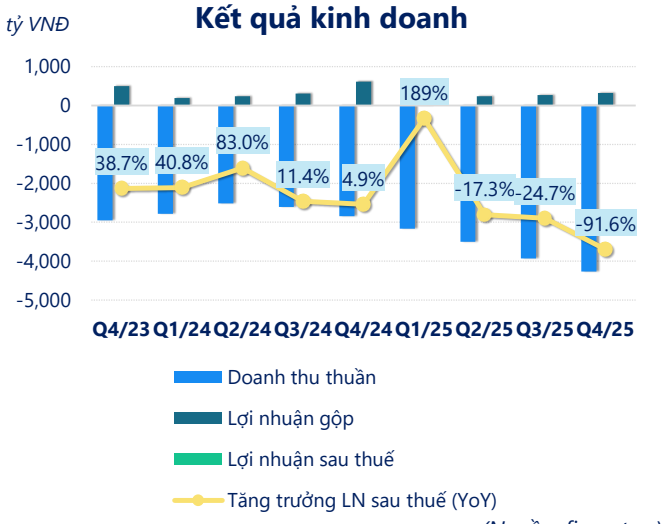
ROE

2025

#VALUE!

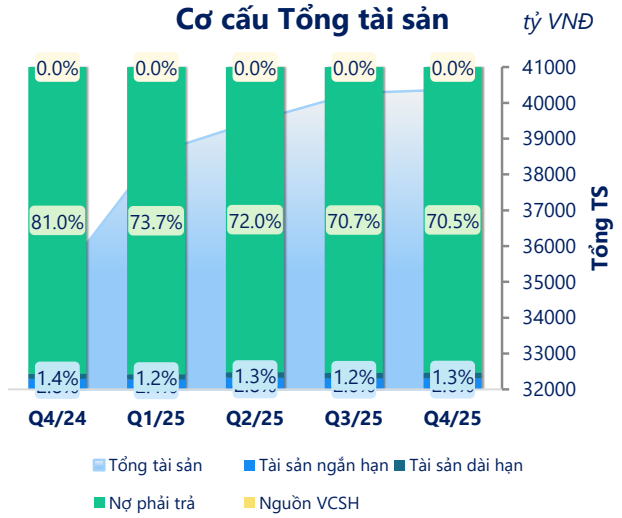
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



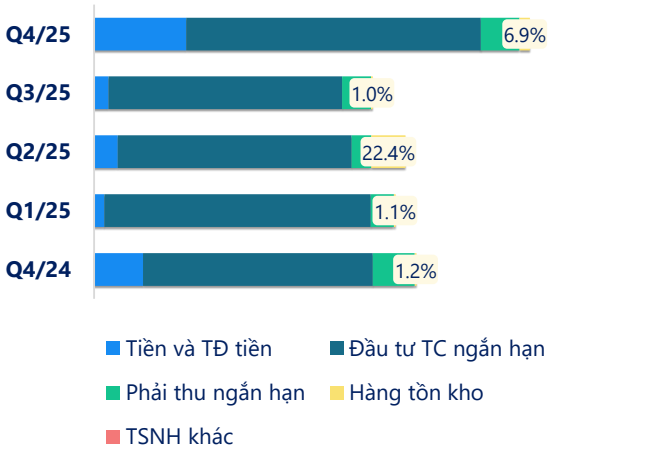
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



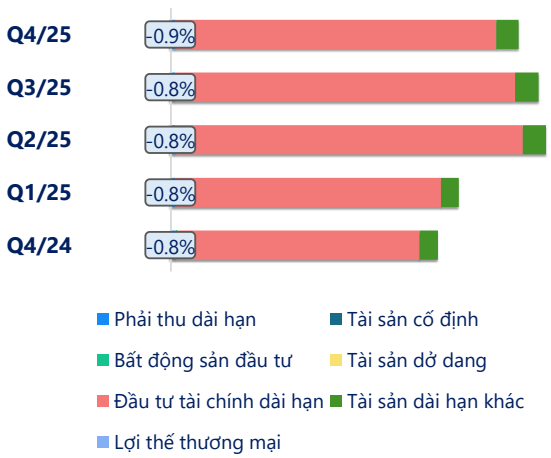
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



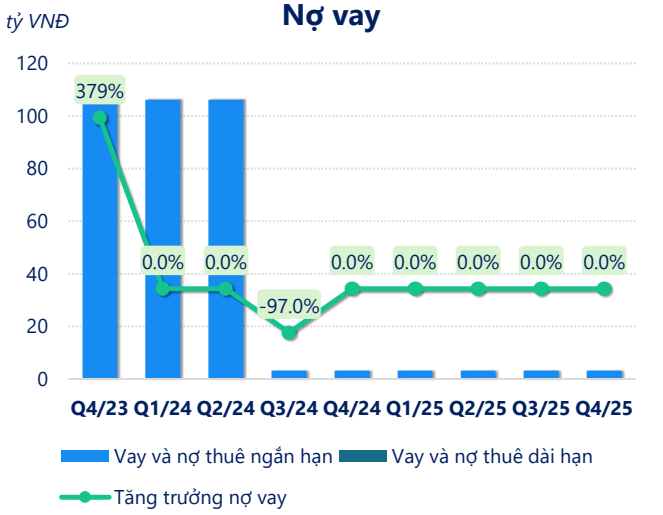
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



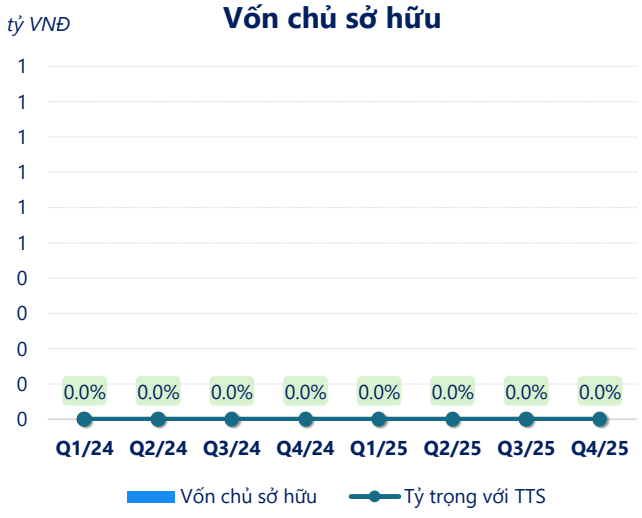
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



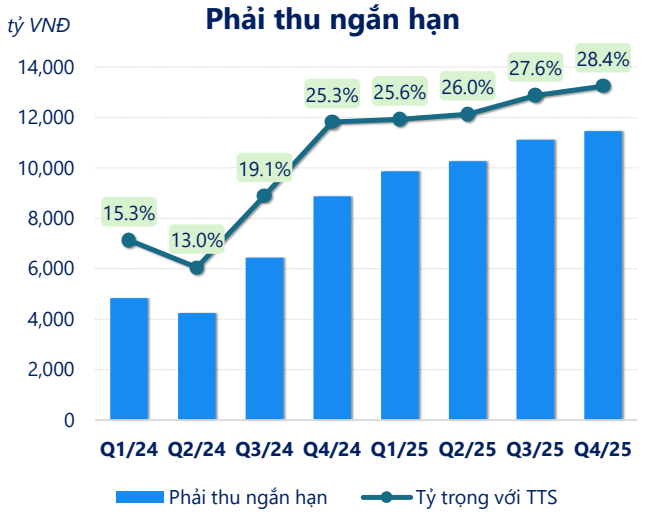
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



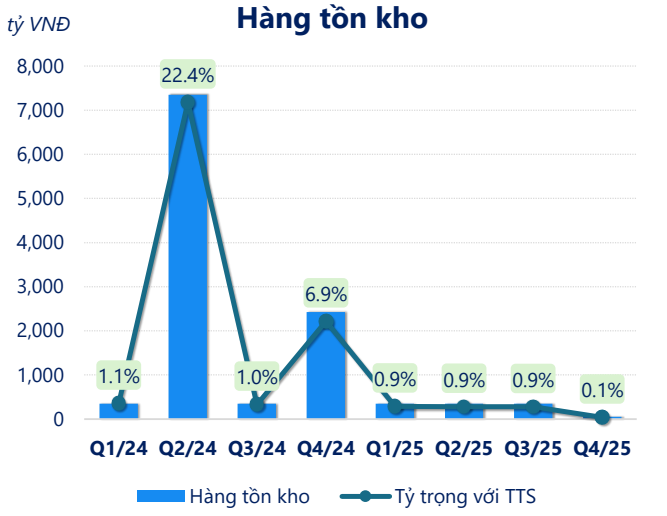
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



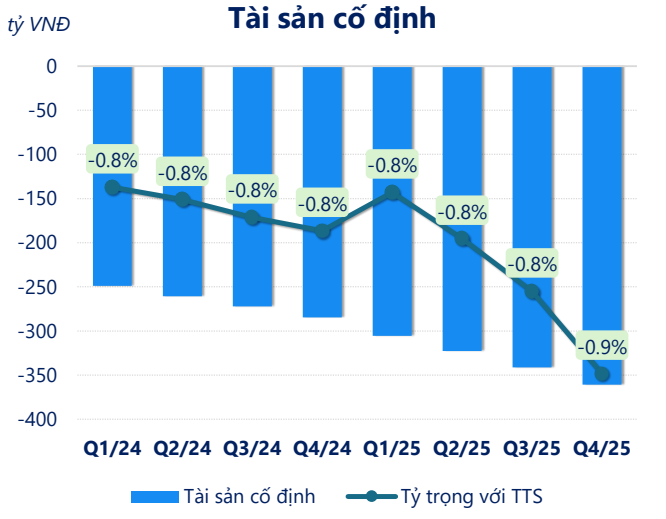
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



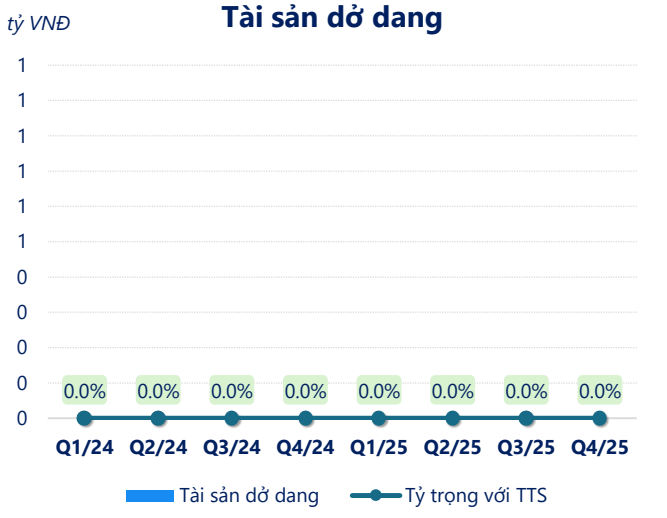
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



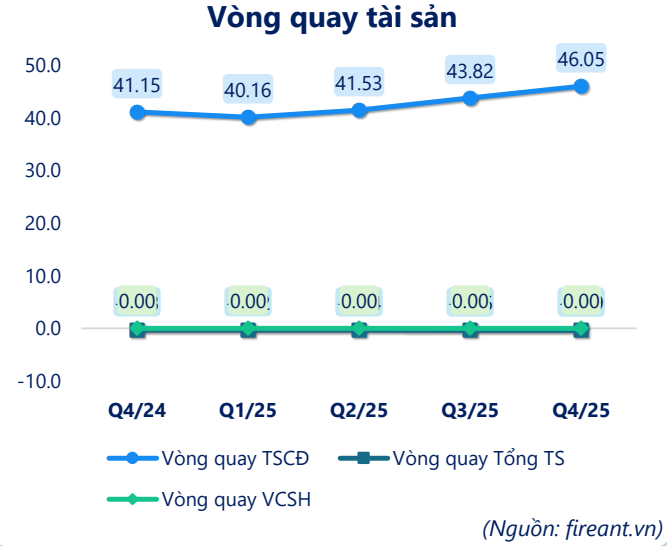
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**35,003**	**38,600**	**39,488**	**40,268**	**40,373**
Tài sản ngắn hạn	**964**	**916**	**1,088**	**1,029**	**1,041**
Tiền và tương đương tiền	11,300	2,627	6,163	3,792	24,472
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67,920	78,148	107,747	99,335	91,267
Phải thu ngắn hạn	8,869	9,866	10,265	11,110	11,458
Hàng tồn kho	2,427	350	350	350	50.5
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**488**	**466**	**509**	**494**	**512**
Phải thu dài hạn	1,092	1,089	1,151	1,159	1,194
Tài sản cố định	-285	-305	-323	-341	-361
Bất động sản đầu tư	267	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	55,895	67,481	90,290	90,053	85,300
Tài sản dài hạn khác	4,253	4,599	6,059	6,199	5,918
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**28,350**	**28,450**	**28,450**	**28,450**	**28,450**
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.17	3.17	3.17	3.17	3.17
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)